

LESSON 1**I.NEW WORDS**

1.go-went-gone	(v): đi
2.swim-swam-swum	(v): bơi
3.take-took-taken	(v): cầm, nắm, dẫn
4.buy-bought-bought	(v): mua
5.last	(adj): vừa qua, cuối cùng
6.collect seashell	(v) : thu lượm, đi lấy vỏ sò
7.walk	(v): đi bộ
8.yesterday	(adv): hôm qua
9.postcard	(n): bưu thiếp